

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2026/HS-ST

Ngày: 28/7/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Viết Hiến và bà Nguyễn Thị Lương

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 07 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1- Lào Cai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số: 47/2026/HSST ngày 27 tháng 05 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2026/QĐXXST-HS ngày 15/07/2026 đối với các bị cáo:

1. Vàng A C5, sinh ngày 03/11/1983 tại Lào Cai; nơi ĐKTT và chỗ ở: Thôn D, xã M, tỉnh Lào Cai (nay là thôn T, xã M, tỉnh Lào Cai); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Mông; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; thẻ CCCD số 015083004112; giới tính: nam; con ông Vàng A V (đã chết) và bà Cứ Thị S (đã chết); có vợ là Giàng Thị T, sinh năm 1981 và 03 con; con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2006; tiền án: không; tiền sự: không;

*** Nhân thân:**

Bản án số 10/2017/HSST ngày 28/02/2017 của Tòa án nhân dân huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái căn cứ điểm h khoản 2 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự, xử phạt Vàng A C5 09 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; tiền án phí 200.000 đồng. Vàng A C5 đã nộp án phí và chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/01/2022, đã được xóa án tích.

Bị bắt tạm giam kể từ ngày 27/01/2026, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 02 - Công an tỉnh L. Có mặt tại phiên tòa.

*** Người phiên dịch tiếng Mông cho bị cáo Vàng A C5:** Ông Cự Seo V1, sinh năm 1976 - Cán bộ Phòng chính sách dân tộc - Sở dân tộc và Tôn giáo tỉnh Lào Cai. Có mặt.

2. Phan Văn C, sinh ngày 28/5/1972 tại Lào Cai; nơi ĐKTT và chỗ ở: tổ dân phố H, phường Á, tỉnh Lào Cai (nay là tổ G, phường Á, tỉnh Lào Cai); nghề

nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; thẻ CCCD số: 015072004999; giới tính: nam; con ông Phan Văn C1, sinh năm 1944 và bà Vũ Thị M, sinh năm 1946; có vợ là Nguyễn Thị Kim T1, sinh năm 1972 (đã ly hôn); có 02 con, con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 1998.

Tiền sự: Không;

Tiền án: 01. Tại bản án số 64/2015/HSST ngày 05/11/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; điểm o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS, xử phạt Phan Văn C 07 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; Áp dụng điểm b, d khoản 2 Điều 198; điểm o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS, xử phạt Phan Văn C 08 năm tù về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”. Áp dụng khoản 1 Điều 50 BLHS tổng hợp hình phạt đối với Phan Văn C là 15 năm 06 tháng tù; tiền án phí 200.000 đồng.

Sau xét xử sơ thẩm, bị cáo kháng cáo. Tại bản án phúc thẩm số 02/2016/HSPT ngày 28/01/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái đã chấp nhận kháng cáo của Phan Văn C, sửa bản án sơ thẩm, xử phạt Phan Văn C 07 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và 07 năm 06 tháng tù về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt, buộc Phan Văn C phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 14 năm 06 tháng tù. Phan Văn C đã nộp tiền án phí và chấp hành xong án phạt tù ngày 08/9/2023. Tính đến ngày phạm tội lần này, bị cáo chưa được xóa án tích.

Nhân thân: Bản án số 31/2009/HSST ngày 02/3/2009 của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái căn cứ khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự, xử phạt Phan Văn C 02 năm tù về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”; tiền án phí 50.000 đồng. Bị cáo đã thực hiện đóng án phí và chấp hành xong án phạt tù ngày 28/11/2010 (đã được xóa án tích).

Bị bắt tạm giữ từ ngày 18/01/2026, tạm giam từ ngày 27/01/2026, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 02 - Công an tỉnh L. Có mặt tại phiên tòa.

3. Tạ Trấn S1, sinh ngày 25/3/1957 tại Ninh Bình; nơi ĐKTT và chỗ ở: tổ dân phố Y, phường Y, tỉnh Lào Cai; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 07/10; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; thẻ CCCD số: 015057000758; giới tính: nam; con ông Tạ Xuân B (đã chết) và bà Nguyễn Thị Đ (đã chết); có vợ là bà Vũ Thị T2, sinh năm 1962; không có con; tiền sự: không.

Tiền án: 01. Tại bản án số 37/2010/HSST ngày 25/02/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La áp dụng điểm b khoản 3 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự, xử phạt Tạ Trấn S1 17 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; tiền án phí 200.000 đồng. Tạ Trấn S1 đã nộp án phí và chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/01/2021. Tính đến ngày phạm tội lần này, bị cáo chưa được xóa án tích.

Nhân thân: Bản án số 21/HSST ngày 24/9/1986 của Tòa án nhân dân tỉnh Hoàng Liên S1 xử phạt Tạ Trấn S1 09 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”. Tạ Trấn S1 đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/8/1994, đã được xóa án tích.

Bị bắt tạm giam từ ngày 30/01/2026, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 02 - Công an tỉnh L. Có mặt tại phiên tòa.

4. Đàm Văn P, sinh ngày 01/10/1952 tại Hà Nội; nơi ĐKTT và chỗ ở: tổ dân phố M, phường Y, tỉnh Lào Cai; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 07/10; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; thẻ CCCD số: 001052015192; giới tính: nam; con ông Đàm Văn T3 (đã chết) và bà Nguyễn Thị L (đã chết); bị cáo chung sống như vợ chồng cùng bà Hà Thị C2, sinh năm 1959; có 02 con, con lớn sinh năm 1989, con nhỏ sinh năm 1991; tiền án, tiền sự: không;

* Nhân thân: Bản án số 134/2009/HSST ngày 25/11/2009 của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái áp dụng điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 194, điểm o, p khoản 1 Điều 46 BLHS, xử phạt Đàm Văn P 08 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tiền án phí 200.000 đồng, tiền phạt 5.000.000 đồng. Đàm Văn P đã nộp tiền án phí, tiền phạt và chấp hành xong hình phạt tù ngày 31/8/2015, hiện đã được xóa án tích.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 18/01/2026, tạm giam từ ngày 27/01/2026. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 02 - Công an tỉnh L. Có mặt tại phiên tòa.

5. Võ Văn N, sinh ngày 13/4/1963 tại Nghệ An; nơi ĐKTT và chỗ ở: tổ dân phố M, phường Y, tỉnh Lào Cai (nay là tổ dân phố M, phường Y, tỉnh Lào Cai); nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/10; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; thẻ CCCD số: 040063003709, giới tính: nam; con ông Võ Văn N1 (đã chết) và bà Hồ Thị L1, sinh năm 1941; vợ: Nguyễn Thu H, sinh năm 1973; có 02 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: không;

Bị bắt tạm giữ từ ngày 18/01/2026, tạm giam từ ngày 27/01/2026. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 02 - Công an tỉnh L. Có mặt tại phiên tòa.

6. Nguyễn Tạ B1, sinh ngày 06/8/1967 tại Lào Cai; Nơi ĐKTT và chỗ ở: tổ dân phố Đ, phường N, tỉnh Lào Cai (nay là tổ dân phố số E, phường N, tỉnh Lào Cai); nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 07/10; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; thẻ CCCD số: 015067006358; giới tính: nam; con ông Nguyễn Tạ L2 (đã chết) và bà Phạm Thị T4 (đã chết); vợ: Cao Thị H1, sinh năm 1972; có 03 con, con lớn sinh năm 1993, con nhỏ sinh năm 1996; tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt tạm giữ từ ngày 18/01/2026, tạm giam từ ngày 27/01/2026. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 02 - Công an tỉnh L. Có mặt tại phiên tòa.

7. Trần Quang C3, sinh ngày 21/6/1974 tại Lào Cai; Nơi ĐKTT: tổ B, phường L, tỉnh Lào Cai (nay là tổ C, phường L, tỉnh Lào Cai); chỗ ở: tổ dân phố

Y, phường Y, tỉnh Lào Cai (nay là tổ dân phố Y, phường Y, tỉnh Lào Cai); nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; thẻ CCCD số: 015074002079; giới tính: nam; con ông Trần Văn B2 (đã chết) và bà Đặng Thị Q (đã chết); vợ: Nguyễn Ngọc Q1, sinh năm 1981 (đã ly hôn); có 01 con sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân:

+ Ngày 15/10/2014, bị Công an phường Y, thành phố Y xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”, hình thức phạt tiền, mức phạt 1.000.000 đồng theo Quyết định số 07/QĐ-XPVPHC. Được miễn nộp tiền phạt theo Quyết định số 01/QĐ-Miễn ngày 29/10/2014, lý do miễn do C3 không có điều kiện thi hành;

+ Ngày 17/11/2014, bị Công an thành phố Y xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, hình thức phạt tiền, mức phạt 1.000.000 đồng theo Quyết định số 05/QĐ -XPVPHC. Do C3 vắng mặt tại địa phương nên không giao được Quyết định này cho bị cáo;

+ Ngày 07/6/2026, bị Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh L xử phạt vi phạm hành chính về “Hành vi sử dụng trái phép chất ma túy”, hình thức phạt tiền, mức phạt 1.500.000 đồng, theo Quyết định số 0005480/QĐ - XPHC. Bị cáo chưa nộp tiền phạt.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 17/01/2026, tạm giam từ ngày 26/01/2026; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 02 - Công an tỉnh L. Có mặt tại phiên tòa.

8. Nguyễn Anh T5, sinh ngày 22/10/1980 tại tỉnh Lào Cai; Nơi ĐKTT và chỗ ở: tổ dân phố Y, phường Y, tỉnh Lào Cai (nay là tổ dân phố Y, phường Y, tỉnh Lào Cai); nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; thẻ CCCD số 015080002132; giới tính: nam; con ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1952 và bà Đỗ Thị N2, sinh năm 1954; vợ con: chưa có; tiền án: không;

Tiền sự: 01. Năm 2021, bị Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời gian 24 tháng theo Quyết định số 38/2021/QĐ-TA ngày 06/12/2021. Ngày 05/6/2025 chấp hành xong quyết định.

Nhân thân: Năm 2014, bị Công an phường M, thành phố Y xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”, hình thức phạt tiền, số tiền 1.000.000 đồng theo Quyết định số 05/QĐ-XPVPHC ngày 12/02/2014, bị cáo đã nộp tiền phạt ngày 25/02/2014.

Bị bắt tạm giam từ ngày 09/02/2026; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 02 - Công an tỉnh L. Có mặt tại phiên tòa.

2.2. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Trần Bảo M1, sinh năm 2006. Nơi ĐKTT: Tổ dân phố Y, phường Y, tỉnh Lào Cai. Chỗ ở: Số A, ngách A, ngõ B đường T, phường T, thành phố Hà Nội. ĐT: 0823.348.688. Vắng mặt.

+ Bà Vũ Thị T2, sinh năm 1962. Trú tại: Tổ dân phố Y, phường Y, tỉnh Lào Cai. ĐT: 0373.444.348. Có mặt.

+ Bà Hà Thị C2, sinh năm 1959. Trú tại: Tổ dân phố M, phường Y, tỉnh Lào Cai. ĐT: 0382.513.924. Có mặt.

+ Anh Cự A S2, sinh năm 1994. Trú tại: Thôn N, xã M, tỉnh Lai Châu. ĐT: 0819445463 và 0939156316. Vắng mặt.

2.3. Người làm chứng: Ông Nguyễn Thanh N3, sinh năm 1971. Trú tại: Tổ I, khu D, phường T, tỉnh Phú Thọ (nay là tổ dân phố T, phường T, tỉnh Phú Thọ). ĐT: 0824.388.666. Vắng mặt.

2.4. Người chứng kiến: Ông Nguyễn Văn Y, sinh năm 1965. Trú tại: Tổ dân phố Y, phường Y, tỉnh Lào Cai. ĐT: 0386.558.997. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 12 giờ 00 ngày 17/01/2026, tổ công tác của Công an phường Y phát hiện tại khu vực cách cổng Chợ trung tâm Km4 khoảng 50 mét thuộc tổ dân phố Y, phường Y, tỉnh Lào Cai có đối tượng Trần Quang C3 đang điều khiển xe mô tô BKS 21BA-093.91 có nghi vấn liên quan đến ma túy nên đã yêu cầu kiểm tra. Khi phát hiện lực lượng Công an, C3 đã điều khiển xe mô tô bỏ chạy, đồng thời C3 vứt từ lòng bàn tay trái xuống mặt đường 02 gói giấy màu trắng bên trong mỗi gói giấy đều chứa chất bột nén màu trắng. Sau đó C3 bị tổ công tác giữ lại và đưa về địa điểm đã vứt 02 gói ma túy. Tại đây, C3 đã tự giác nộp 02 gói ma túy vừa vứt xuống mặt đường giao nộp cho Tổ công tác, C3 khai là ma túy Heroine do C3 mua để sử dụng cho bản thân. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Trần Quang C3 và thu giữ của C3, gồm: 02 gói ma túy (khối lượng 0,16 gam ma túy Heroine); 950.000 đồng và 01 chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy A6 lắp sim số 0949 696 841; 01 xe mô tô DETECH biển số 21BA-093.91. Cùng ngày, Cơ quan điều tra khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trần Quang C3 nhưng không thu giữ được đồ vật, tài sản gì. Đối với nguồn gốc ma túy thu giữ khi bắt quả tang, C3 khai mua của Đàm Văn P với giá 2.500.000 đồng ngày 17/01/2026 tại tổ dân phố Y, phường Y, tỉnh Lào Cai.

Qua đấu tranh, Trần Quang C3 khai nhận ngoài hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” nêu trên, C3 còn thực hiện các hành vi phạm tội khác liên quan đến các đối tượng khác nhau, cụ thể như sau:

- Ngày 12/01/2026, tại nhà của Trần Quang C3 ở tổ dân phố Y, phường Y, tỉnh Lào Cai, C3 đã bán cho Nguyễn Anh T5 01 gói ma túy Heroine để thu lời số tiền 200.000 đồng. Nguồn gốc số ma túy C3 có để bán cho T5 là do C3 mua của một người đàn ông không biết tên, tuổi, địa chỉ ngày 12/01/2026, tại khu

vực cầu D, thuộc tổ dân phố Y, phường Y, tỉnh Lào Cai. Căn cứ tài liệu thu thập được, ngày 17/01/2026, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh L tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Anh T5 nhưng không thu giữ được đồ vật, tài sản gì. Qua đấu tranh, T5 khai nhận sau khi mua được ma túy của C3, thì T5 đã sử dụng hết tại nhà ở của mình.

- Ngày 17/12/2025, Trần Quang C3 đến nhà của Võ Văn N cùng N rủ nhau đi mua ma túy về sử dụng. C3 đưa cho N số tiền 500.000 đồng để mua ma túy. Sau khi mua được ma túy, N và C3 cùng nhau sử dụng tại nhà vệ sinh nhà N. Căn cứ tài liệu thu thập được, ngày 17/01/2026 Cơ quan CSĐT Công an tỉnh L đã khám xét khẩn cấp chỗ ở của Võ Văn N đã phát hiện thu giữ: 01 điện thoại di động Iphone 8, lắp sim số 0916 346 393; 01 bật lửa ga màu đỏ; 03 mảnh giấy bạc phàn ở giữa bị cháy, thủng, có màu đen; 01 mảnh giấy bạc; 01 chiếc dao cạo râu có dòng chữ CROMA; 02 vỏ nilon xi lanh; 01 bật lửa ga màu trắng.

Tiến hành đấu tranh đối với Võ Văn N khai nhận: Ngoài hành vi cùng Trần Quang C3 tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy ngày 17/12/2025, thì vào ngày 10/01/2026, N cùng với Nguyễn Tạ B1 rủ nhau mua ma túy về sử dụng. B1 đã đưa cho N số tiền 500.000 đồng để mua ma túy, sau đó N mua của Đàm Văn P 01 gói ma túy Heroine với giá 500.000 đồng về cùng B1 sử dụng.

Căn cứ tài liệu thu thập được, ngày 17/01/2026, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh L đã khám xét khẩn cấp chỗ ở của Đàm Văn P tại tổ dân phố M, phường Y, tỉnh Lào Cai. Kết quả khám xét đã phát hiện, thu giữ 09 gói chất bột nén màu trắng chứa tổng **1,87 gam** ma túy Heroine; Số tiền 71.600.000 đồng và nhiều mảnh giấy báo; nhiều mảnh nilon màu trắng; 01 chiếc kéo bằng kim loại; 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A07 lắp sim số 0865 308 731; 01 điện thoại di động Iphone 15 Promax lắp sim số 0384 716 696. Qua đấu tranh, Đàm Văn P khai nhận: Nguồn gốc số ma túy trên là do P mua của Tạ Trần S1 với giá 24.000.000 đồng, P đã trả cho S1 được 8.000.000 đồng, còn nợ lại 16.000.000 đồng, mục đích P mua ma túy của S1 là để bán và thực tế đã bán cho Trần Quang C3, Võ Văn N và nhiều người khác nhưng không biết rõ tên tuổi, địa chỉ cụ thể.

Căn cứ lời khai của Đàm Văn P, ngày 17/01/2026, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh L tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Tạ Trần S1 đã phát hiện, thu giữ **10,6 gam** ma túy Heroine; số tiền 27.500.000 đồng và nhiều vỏ túi nilon màu trắng; 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A34 lắp sim số 0378 629 764. Qua đấu tranh, Tạ Trần S1 khai nhận: Nguồn gốc số ma túy bị thu giữ trên là do S1 mua của Phan Văn C với số tiền 15.000.000 đồng nhằm mục đích để bán. Từ lời khai của Tạ Trần S1 và các tài liệu thu thập được, ngày 17/01/2026, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh L tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Phan Văn C đã phát hiện, thu giữ **15 gam** ma túy Heroine; số tiền 7.550.000 đồng và 01 điện thoại di động Iphone 13 lắp sim số 0989 949 108. Qua đấu tranh, C khai nhận: Nguồn gốc số ma túy bị thu giữ nêu trên là do C mua của Vàng A C5 với số tiền 18.000.000 đồng, nhằm mục đích để bán và sử dụng. Căn cứ lời khai của Phan Văn C, ngày 26/01/2026, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh L khám xét khẩn cấp chỗ ở của Vàng A C5 đã phát hiện, thu giữ 01 điện thoại di động Oppo lắp sim số

0832 038 683. Tiến hành đấu tranh với Vàng A C5, thì C5 khai nhận hành vi bán ma túy cho Phan Văn C như nêu trên.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập, xác định hành vi phạm tội của các bị cáo trong vụ án được chứng minh như sau:

1. Đối với hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy” của Vàng A C5 và Phan Văn C:

Vàng A C5 và Phan Văn C có mối quan hệ quen biết nhau từ trước. Ngày 01/01/2026, C dùng điện thoại Iphone 13 có lắp sim số 0989 949 108 gọi điện cho C5 vào điện thoại Oppo có lắp sim số 0832 038 683 để hỏi mua 13.000.000 đồng tiền ma túy Heroine, thì được C5 đồng ý và hẹn ngày 02/01/2026 gặp nhau tại xã M để mua bán ma túy. Ngày 02/01/2026, tại phòng nghỉ của bến xe khách xã M, tỉnh Lào Cai, C5 đưa cho C 01 gói ma túy Heroine được gói bằng mảnh nilon màu đen, C trả cho C5 số tiền 13.000.000 đồng tiền mặt. Do trước đó Tạ Trấn S1 đã gọi điện hỏi mua ma túy Heroine của Phan Văn C nên sau khi C mua được ma túy, C đã mang về chia làm 02 phần, trong đó vào ngày 03/01/2026 C đã mang một phần ma túy Heroine bán cho Tạ Trấn S1 tại phòng khách nhà S1 ở tổ dân phố H, phường A, tỉnh Lào Cai với giá 15.000.000 đồng. S1 đã trả cho C 5.000.000 đồng tiền mặt và còn nợ 10.000.000 đồng. Đối với phần ma túy còn lại C cất giấu tại nhà ở của mình. Đến ngày 04/01/2026, C tiếp tục gọi điện cho Vàng A C5 để hỏi mua 5.000.000 đồng ma túy Heroine thì được C5 đồng ý và hẹn ngày 05/01/2026 gặp nhau tại xã M để mua bán ma túy. Ngày 05/01/2026, tại điểm hẹn là khu vực nhà văn hóa thôn D, xã M, tỉnh Lào Cai, C5 đã đưa cho C 01 gói ma túy Heroine được gói bằng mảnh nilon màu đen và được C trả cho C5 5.000.000 đồng tiền mặt. Sau khi mua được ma túy, C mang về nhà để chung với số ma túy mua được trước đó của C5 và cất giấu tại phòng ngủ của C (có khối lượng 15 gam ma túy Heroine) để nhằm mục đích vừa để sử dụng và bán kiếm lời. Tuy nhiên, C chưa kịp sử dụng và bán thì bị lực lượng Công an phát hiện, thu giữ khi khám xét khẩn cấp.

Về nguồn gốc ma túy mà Vàng A C5 bán cho Phan Văn C. Qua đấu tranh, Vàng A C5 khai mua của Cự A tại ven đường Q thuộc tỉnh Lai Châu với giá 10.000.000 đồng vào ngày 02/01/2026 và C5 đã trả tiền mặt cho S2. Ngày 27/01/2026, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh L khám xét khẩn cấp chỗ ở của Cự A và thu giữ của S2 01 điện thoại di động Oppo màu đen, lắp sim số 0819 445 463 và 0939 156 316. Tuy nhiên, qua đấu tranh S2 không thừa nhận hành vi bán trái phép chất ma túy cho C5 vào ngày 02/01/2026. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất giữa Vàng A C5 và Cự A S2, nhưng các bên đều giữ nguyên nội dung lời khai của mình.

2. Đối với hành vi Mua bán trái phép chất ma túy của Tạ Trấn S1:

Sau khi mua được ma túy Heroine của Phan Văn C với giá 15.000.000 đồng vào ngày 03/01/2026, Tạ Trấn S1 đã chia ra thành 05 gói ma túy, sau đó S1 dùng điện thoại Samsung Galaxy A34 có lắp sim số 0378 629 764 gọi điện cho Đàm Văn P vào điện thoại Samsung Galaxy A07 có lắp sim số 0865 308 731 để hẹn P đến nhà S1 mua bán ma túy, do trước đó P đã gọi điện hỏi mua ma túy của S1. Khi P đến nhà S1, thì S1 bán cho P 02 gói ma túy Heroine với giá 16.000.000

đồng, nhưng P chưa trả số tiền này cho S1. Đối với 03 gói ma túy Heroine còn lại (có khối lượng 10,6 gam), S1 cất giấu tại nhà để bán kiếm lời nhưng chưa kịp bán thì bị Cơ quan Công an thu giữ khi khám xét.

Ngoài hành vi bán ma túy H3 cho bị cáo Đàm Văn P vào ngày 03/01/2026. Trước đó, vào tháng 12/2025 tại nhà ở của mình, Tạ Trấn S1 còn bán cho Đàm Văn P 01 gói ma túy Heroine với giá 8.000.000 đồng và P đã trả đủ cho S1 số tiền này. Về nguồn gốc ma túy do S1 đã bán cho P trong tháng 12/2025, S1 khai mua của Phan Văn C tại nhà S1 vào tháng 12/2025 với giá 4.000.000 đồng và S1 trả cho C bằng tiền mặt. Tuy nhiên, qua đấu tranh C không thừa nhận lần bán ma túy này cho S1. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất giữa Tạ Trấn S1 và Phan Văn C, nhưng các bị cáo đều giữ nguyên nội dung đã khai báo.

3. Đối với hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy” của Đàm Văn P:

Trong quá trình điều tra, Đàm Văn P khai sử dụng điện thoại Samsung Galaxy A07 có lắp sim số 0865 308 731 gọi điện cho Tạ Trấn S1 vào điện thoại Samsung Galaxy A34 có lắp sim số 0378 629 764 để hỏi mua ma túy. P đã mua ma túy Heroine của S1 02 lần, cụ thể: Lần 1 vào tháng 12/2025, P mua của S1 01 gói ma túy Heroine với giá 8.000.000 đồng để bán; Lần 2 vào ngày 03/01/2026, P mua của S1 02 gói ma túy Heroine với giá 16.000.000 đồng. Sau đó, P chia thành nhiều gói nhỏ để bán với giá 500.000 đồng/01 gói. Sau khi mua được ma túy Heroine của Tạ Trấn S1, thì Đàm Văn P đã nhiều lần bán ma túy cho Võ Văn N, Trần Quang C3 và những người khác (không quen biết tên, tuổi, địa chỉ), cụ thể như sau:

- Ngày 17/12/2025, tại khu vực cổng nhà Võ Văn N, thuộc tổ dân phố M, phường Y, tỉnh Lào Cai, P bán cho N 01 gói ma túy Heroine giá 500.000 đồng;
- Ngày 10/01/2026, tại khu vực cổng nhà Võ Văn N, thuộc tổ dân phố M, phường Y, tỉnh Lào Cai, P bán cho N 01 gói ma túy Heroine giá 500.000 đồng;
- Ngày 15/01/2026, tại khu vực cổng nhà Võ Văn N, thuộc tổ dân phố M, phường Y, tỉnh Lào Cai, P bán cho N 01 gói ma túy Heroine giá 500.000 đồng;
- Ngày 17/01/2026, tại phòng khách nhà Trần Quang C3 thuộc tổ dân phố Y, phường Y, tỉnh Lào Cai, P bán cho C3 05 gói ma túy Heroine giá 2.500.000 đồng.

Đối với 09 gói ma túy Heroine còn lại có khối lượng 1,87 gam, bị cáo P chưa kịp bán thì bị Cơ quan điều tra thu giữ khi khám xét.

4. Đối với hành vi “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” của Võ Văn N, Trần Quang C3, Nguyễn Tạ B1:

Khoảng 12 giờ ngày 17/12/2025, Trần Quang C3 đến nhà Võ Văn N và rủ N mua ma túy Heroine về cùng sử dụng. C3 đã đưa cho N 500.000 đồng để mua ma túy, sau đó N dùng điện thoại Iphone 8 có lắp sim số 0916 346 393 gọi điện cho Đàm Văn P vào điện thoại Samsung Galaxy A07 có lắp sim số 0865 308 731 để hỏi mua 01 gói ma túy với giá 500.000 đồng, P đồng ý bán ma túy cho N và hẹn gặp nhau tại cổng nhà N để mua bán ma túy. Một lúc sau, P đến trước cổng nhà N và đưa cho N 01 gói ma túy H3, N đã trả cho P 500.000 đồng tiền mặt. Sau khi mua được ma túy, N và C3 vào nhà vệ sinh tại tầng 1 nhà N để sử

dụng ma túy. Quá trình sử dụng ma túy, N mở gói ma túy để lên trên kệ bồn rửa mặt, sau đó N lấy dao lam có sẵn trong nhà vệ sinh từ trước xúc ma túy cho vào giấy bạc và dùng bật lửa đốt hít vào cơ thể, còn C3 tự xúc ma túy cho vào xi lanh và hòa với nước cất để tiêm trực tiếp vào cơ thể. Đối với các dụng cụ để sử dụng ma túy đều do C3 và N tự chuẩn bị. Sau khi sử dụng xong ma túy, C3 tự cầm xi lanh và giấy gói đi về và sau đó vứt ở ven đường, còn N vứt mảnh giấy bạc vào túi nilon đựng rác ở vị trí gốc cây trước cửa nhà.

Khoảng 15 giờ ngày 10/01/2026, Nguyễn Tạ B1 sử dụng điện thoại Oppo, lắp sim số 0364 658 524 gọi điện cho Võ Văn N vào điện thoại Iphone 8 có lắp sim số 0916 346 393 để rủ N sử dụng ma túy. Sau đó, B1 đến nhà N, tại đây B1 đưa cho N 500.000 đồng để mua ma túy, N đã dùng số điện thoại 0916 346 393 gọi đến số điện thoại 0865 308 731 của Đàm Văn P hỏi mua 01 gói ma túy với giá 500.000 đồng, P đã nhất trí và hẹn gặp nhau tại cổng nhà N để mua bán ma túy. Một lúc sau, P đến đưa cho N 01 gói ma túy Heroine, N trả cho P 500.000 đồng tiền mặt. Sau khi mua được ma túy, N và B1 vào nhà vệ sinh tại tầng 1 nhà N để sử dụng ma túy. Tại đây, N mở gói ma túy để lên trên kệ bồn rửa mặt, sau đó cả N và B1 đều sử dụng ma túy bằng hình thức dùng dao lam có sẵn trong nhà vệ sinh xúc ma túy cho vào giấy bạc và dùng bật lửa đốt hít vào cơ thể. Đối với dụng cụ để sử dụng ma túy đều do B1 và N tự chuẩn bị. Sau khi sử dụng xong ma túy, B1 để lại chiếc bật lửa ga màu đỏ của B1 trong mặt bàn đá ở nhà vệ sinh, mảnh giấy bạc thì N vứt vào giỏ treo ở cây lũa trước nhà.

Ngoài ra Võ Văn N còn khai nhận: Khoảng 12 giờ ngày 15/01/2026, Nguyễn Thanh N3 là người quen của N đến nhà N chơi. Tại đây, N3 đưa cho N 500.000 đồng để mua ma túy, sau đó N gọi điện cho Đàm Văn P hỏi mua 01 gói ma túy Heroine với giá 500.000 đồng và được P đồng ý, hẹn gặp nhau tại cổng nhà N để mua, bán ma túy. Một lúc sau, P đến và đưa cho N 01 gói ma túy Heroine, N trả cho P 500.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, N và N3 vào nhà vệ sinh tại tầng 1 nhà N. Tại đây, N khai đã cùng với N3 sử dụng ma túy Heroine bằng hình thức cho ma túy vào giấy bạc rồi dùng bật lửa đốt hít vào cơ thể. Tuy nhiên, qua đấu tranh Nguyễn Thanh N3 không thừa nhận việc đưa tiền cho N đi mua ma túy, N3 chỉ thừa nhận được N cung cấp ma túy và dụng cụ sử dụng ma túy là giấy bạc, bật lửa, dao lam và một mình N3 tự sử dụng ma túy tại nhà vệ sinh của nhà N. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất giữa Võ Văn N và Nguyễn Thanh N3, nhưng các bên đều giữ nguyên lời khai của mình.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến hành test nhanh ma túy đối với Võ Văn N, Trần Quang C3, Nguyễn Tạ B1 đều cho kết quả dương tính với loại chất ma túy (MOP). Ngoài ra, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác định hiện trường vị trí các bị cáo đã có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại nhà Võ Văn N và thu giữ dụng cụ tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

5. Đối với hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” của Trần Quang C3:

Khoảng 12 giờ trưa ngày 17/01/2026, Trần Quang C3 dùng điện thoại Samsung Galaxy A6 lắp sim số 0949 696 841 gọi điện cho Đàm Văn P vào điện thoại Iphone 15 Promax lắp sim số 0384 716 696 để hỏi mua 05 gói ma túy Heroine với giá 2.500.000 đồng thì P đồng ý và hẹn gặp nhau tại nhà Chung để mua, bán

ma túy. Một lúc sau, P đến phòng khách nhà Chung và đưa cho C3 05 gói ma túy H3, C3 đã trả cho P 2.500.000 đồng tiền mặt. Sau khi mua được ma túy, C3 sử dụng hết 03 gói ma túy Heroine bằng hình thức tiêm chích tại phòng ngủ của mình; còn 02 gói ma túy Heroine có khối lượng 0,16 gam, C3 mang theo để sử dụng cho bản thân nhưng chưa kịp sử dụng thì bị cơ quan Công an phát hiện, bắt quả tang.

6. Đối với hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy” của Trần Quang C3 và hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” của Nguyễn Anh T5:

Khoảng 12 giờ ngày 12/01/2026, Nguyễn Anh T5 dùng điện thoại Oppo lắp sim số 0868 234 780 (sau đó T5 đã bán chiếc điện thoại này cho một người đàn ông không quen biết tên tuổi, địa chỉ) gọi điện cho Trần Quang C3 vào điện thoại Samsung Galaxy A6 lắp sim số 0949 696 841 để hỏi mua 200.000 đồng tiền ma túy Heroine thì được C3 đồng ý và hẹn gặp nhau tại nhà Chung để mua, bán ma túy. Sau đó, T5 đến phòng khách của nhà Chung và T5 đưa cho C3 200.000 đồng, C3 đã đưa cho T5 01 gói ma túy Heroine. T5 đã cầm gói ma túy mua được đi về và mua xilanh, nước cất tại một hiệu thuốc không nhớ rõ địa chỉ để mang về nhà sử dụng ma túy. Khi về đến nhà, T5 đã một mình sử dụng hết gói ma túy mua được bằng hình thức tiêm chích vào cơ thể. Căn cứ vào tài liệu thu thập, thì Nguyễn Anh T5 là đối tượng quản lý sau cai nghiện ma túy theo Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 06/06/2025 của Ủy ban nhân dân phường Y, tỉnh Yên Bái (nay là phường Y, tỉnh Lào Cai).

Bản kết luận giám định số 83/KL-KTHS ngày 24/01/2026 của Phòng K Công an tỉnh L kết luận:

- Chất bột nén thu giữ của Trần Quang C3 gửi giám định là ma túy, loại Heroine, có tổng khối lượng là 0,16 gam;
- Chất bột nén thu giữ của Đàm Văn P gửi giám định là ma túy, loại Heroine, có tổng khối lượng là 1,87 gam.
- Chất bột nén thu giữ của Tạ Trần S1 gửi giám định là ma túy, loại Heroine, có tổng khối lượng là 10,6 gam.
- Chất bột nén thu giữ của Phan Văn C gửi giám định là ma túy, loại Heroine, có tổng khối lượng là 15 gam.

Bản kết luận giám định số 437/KL-KTHS ngày 21/01/2026 của Phòng K Công an tỉnh P kết luận: Trong mẫu nước tiểu thu của Nguyễn Anh T5 gửi đến giám định không tìm thấy các chất ma túy thường gặp: Thuốc phiện, Morphine, H3, A, MDMA, Cocaine, Cần sa, Ketamine, Methamphetamine và sản phẩm chuyển hóa của chúng trong cơ thể người.

Bản kết luận giám định số 143/215/26/KLGĐĐC-PYQG ngày 06/02/2026 của V2 kết luận: Mẫu tóc thu giữ của Nguyễn Anh T5 ngày 04/02/2026 có tìm thấy M2 và C4.

Bản kết luận giám định số 457/KL-KTHS ngày 29/4/2026 của Phòng K Công an tỉnh L, kết luận: 194 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng; 41 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 200.000 đồng; 22 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 100.000 đồng; 03 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 50.000 đồng; 02 tờ tiền Việt Nam mệnh giá

20.000 đồng; 01 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 10.000 đồng gửi giám định đều là tiền thật; Số tiền gửi giám định là **107.600.000 đồng** (*Một trăm linh bảy triệu sáu trăm nghìn đồng*).

*** Vật chứng, đồ vật, tài liệu thu giữ:**

- Vật chứng thu giữ của Trần Quang C3: 02 gói ma túy Heroine (có tổng khối lượng 0,16 gam, đã trích 0,1 gam để giám định còn lại 0,06 gam); số tiền 950.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung galaxy A6 màu đen, lắp sim số 0949 696 841; 01 xe mô tô DETECH biển số 21BA-093.91.

- Vật chứng thu giữ của Đàm Văn P: 09 gói ma túy Heroine (có tổng khối lượng 1,87 gam, đã trích 0,1 gam để giám định còn lại 1,77 gam); Số tiền 71.600.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung galaxy A07 màu đen, lắp sim số 0865 308 731; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 Promax màu xanh lắp sim số 0384 716 696; các mảnh giấy báo; các mảnh nilon màu trắng; 01 kéo kim loại có tay cầm màu đỏ.

- Vật chứng thu giữ của Tạ Trấn S1: 03 gói ma túy Heroine (có tổng khối lượng 10,6 gam, đã trích 0,1 gam để giám định còn lại 10,5 gam); số tiền 27.500.000 đồng; 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A34 màu bạc, lắp sim số 0378 629 764; các túi nilon màu trắng.

- Vật chứng thu giữ của Phan Văn C: 01 gói ma túy Heroine (có khối lượng 15 gam, trích 0,1 gam làm mẫu giám định còn lại 14,9 gam); Số tiền 7.550.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 màu hồng, lắp sim số 0989 949 108.

- Vật chứng thu giữ của Võ Văn N: 01 bật lửa ga màu đỏ; 01 bật lửa ga màu trắng; 03 mảnh giấy bạc phần giữa bị cháy, thủng, có màu đen; 01 mảnh giấy bạc; 01 dao lam có chữ CROMA; 02 nửa vỏ bọc xi lanh; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8, màu đen, lắp sim số 0916 346 393.

- Vật chứng thu giữ của Vàng A C5: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh, lắp sim số 0832 038 683.

- Vật chứng thu giữ của Cứ A S2: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu đen, lắp sim số 0819 445 463 và 0939 156 316;

- Vật chứng thu giữ của Nguyễn Tạ B1: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đỏ, lắp sim số 0364 658 524;

- 07 phong bì niêm phong que xét nghiệm ma túy của Nguyễn Tạ B1, Trần Quang C3, Nguyễn Anh T5, Phan Văn C, Đàm Văn P, Tạ Trấn S1, Võ Văn N.

Tại Bản cáo trạng số 23/CT-VKSLCI-KV ngày 26/05/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Lào Cai đã truy tố:

- **Vàng A C5** về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b, i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

- **Phan Văn C** về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm i, q khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

- **Tạ Trấn S1** về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b, i, q khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

- **Đàm Văn P** về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

- **Võ Văn N** về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

- **Nguyễn Tạ B1** về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 255 của Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

- **Trần Quang C3** về các tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249; “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251; “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 255 của Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

- **Nguyễn Anh T5** về tội “Sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 256a của Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị HĐXX:

* Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Vàng A C5, Phan Văn C, Tạ Trấn S1 và Đàm Văn P phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”;

Võ Văn N và Nguyễn Tạ B1 phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”;

Trần Quang C3 phạm các tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; “Mua bán trái phép chất ma túy”; “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”;

Bị cáo Nguyễn Anh T5 phạm tội “Sử dụng trái phép chất ma túy”;

* Về hình phạt chính:

- Áp dụng điểm b, i khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt Vàng A C5 từ 10 năm 06 tháng đến 11 năm 06 tháng tù;

- Áp dụng điểm i, q khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt Phan Văn C từ 10 năm 06 tháng đến 11 năm 06 tháng tù;

- Áp dụng điểm b, i, q khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt Tạ Trấn S1 từ 10 năm 06 tháng đến 11 năm 06 tháng tù;

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm o, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt Đàm Văn P từ 08 năm đến 09 năm tù;

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt Võ Văn Nhân từ 08 năm 06 tháng đến 09 năm 06 tháng tù;

- Áp dụng khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt Nguyễn Tạ B1 từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù;

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt Trần Quang C3 từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”;

- Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt Trần Quang C3 từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”;

- Áp dụng khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt Trần Quang C3 từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”;

+ Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của ba tội, đề nghị buộc Trần Quang C3 phải chấp hành hình phạt chung từ 10 năm đến 11 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 256a; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt Nguyễn Anh T5 từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

* Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 BLHS; khoản 2 Điều 106 BLTTHS, đề nghị:

+ Tịch thu tiêu huỷ: 27,23 gam ma túy (Heroine) thu giữ của các bị cáo còn lại sau khi đã trích mẫu giám định; 07 vỏ phong bì đã mở niêm phong; 04 túi đã mở niêm phong; 01 bật lửa ga màu đỏ; 01 bật lửa ga màu trắng; 03 mảnh giấy bạc phân ở giữa bị cháy, thủng, có màu đen; 01 dao lam có chữ CROMA; 02 nửa vỏ nilon xi lanh loại 10 ml/cc; Các mảnh giấy bạc, mảnh giấy, mảnh nilon, túi nilon; 01 kéo kim loại tay cầm màu đỏ; 07 phong bì niêm phong que xét nghiệm ma túy;

+ Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 thu giữ của Võ Văn N; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đỏ của Nguyễn Tạ B1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG A6 màu đen của Trần Quang C3; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG A07 màu đen và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 Promax màu xanh của Đàm Văn P; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy A34 5G màu bạc của Tạ Trần S1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 màu hồng của Phan Văn C; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh của Vàng A C5; 4.000.000 đồng của Đàm Văn P;

+ Trả lại cho bị cáo Trần Quang C3 số tiền là 950.000 đồng; Phan Văn C 7.550.000 đồng; Đàm Văn P 17.600.000 đồng.

+ Truy thu của các bị cáo số tiền hưởng lợi do phạm tội:

- Vàng A C5: 18.000.000 đồng.

- Phan Văn C: 5.000.000 đồng.
- Tạ Trấn S1: 8.000.000 đồng.
- Trần Quang C3: 200.000 đồng.

* Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS, điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, buộc các bị cáo Vàng A C5, Phan Văn C, Nguyễn Tạ B1, Trần Quang C3, Nguyễn Anh T5 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Đàm Văn P, Tạ Trấn S1, Võ Văn N.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo nhận thức được hành vi do bản thân thực hiện là vi phạm pháp luật, thành khẩn khai báo, không có tranh luận gì với ý kiến của Kiểm sát viên và xin Hội đồng xét xử cho hưởng mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Lào Cai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, những người tham gia tố tụng khác, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt nhưng đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ, sự vắng mặt của những người này không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ các Điều 292, 293 BLTTHS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về tội danh của các bị cáo:

Tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, lời nhận tội của các bị cáo có sự phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm, phương thức liên lạc, giao nhận tiền, ma túy và mục đích thực hiện hành vi; phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám xét, biên bản kiểm tra xác định nơi xảy ra vụ việc, vật chứng thu giữ, dữ liệu điện thoại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như bản kết luận giám định, bản kết luận điều tra, bản cáo trạng. Do đó, có đủ cơ sở xác định hành vi phạm tội của từng bị cáo như sau:

[2.1] Đối với Vàng A Cha

Vàng A Cha có hai lần bán ma túy cho Phan Văn C thu được tổng số tiền là 18.000.000 đồng, cụ thể như sau:

Ngày 02/01/2026, tại phòng nghỉ của bến xe khách xã M, tỉnh Lào Cai, Vàng A C5 bán cho Phan Văn C một gói ma túy (H) với giá 13.000.000 đồng.

Ngày 05/01/2026, tại khu vực nhà văn hóa thôn D, xã M, tỉnh Lào Cai, Vàng A C5 tiếp tục bán cho Phan Văn C một gói ma túy (H) với giá 5.000.000 đồng.

Bị cáo C5 phải chịu trách nhiệm hình sự đối với tổng khối lượng 25,6 gam Heroine, gồm 15 gam thu giữ tại nơi ở của Phan Văn C và 10,6 gam ma túy C đã bán cho Tạ Trấn S1. Bị cáo hai lần mua bán ma túy với số lượng ma túy (Heroine) thuộc định lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam.

Do đó, hành vi của Vàng A C5 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thuộc trường hợp “phạm tội 02 lần trở lên” và ma túy (Heroine) có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam, theo các điểm b, i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2025). Viện kiểm sát truy tố bị cáo Vàng A C5 theo tội danh và Điều luật viện dẫn nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Đối với Phan Văn C

Ngày 02/01/2026 và ngày 05/01/2026, Phan Văn C hai lần mua ma túy (Heroine) của Vàng A C5 với tổng số tiền 18.000.000 đồng.

Sau lần mua ma túy ngày 02/01/2026, C chia số ma túy thành hai phần. Ngày 03/01/2026, tại nhà Tạ Trấn S1, C bán cho S1 một phần Heroine với giá 15.000.000 đồng, S1 đã trả 5.000.000 đồng và còn nợ 10.000.000 đồng. Số ma túy còn lại và số ma túy mua ngày 05/01/2026 được C cất giấu tại phòng ngủ để sử dụng và bán kiếm lời. Khi khám xét nơi ở của C, Cơ quan điều tra thu giữ 15 gam Heroine.

Bị cáo C phải chịu trách nhiệm hình sự đối với tổng khối lượng 25,6 gam ma túy (Heroine), gồm 15 gam thu giữ tại nơi ở của C và 10,6 gam xác định là lượng ma túy C đã bán cho Tạ Trấn S1.

Năm 2015, Phan Văn C bị kết án về tội rất nghiêm trọng do cố ý, chưa được xóa án tích mà tiếp tục thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý. Vì vậy, lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, là tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm q khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Do đó, hành vi của Phan Văn C đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, theo các điểm i, q khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2025). Viện kiểm sát truy tố bị cáo C theo tội danh và Điều luật viện dẫn nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.3] Đối với Tạ Trấn S1

Sau khi mua ma túy (Heroine) của Phan Văn C ngày 03/01/2026, Tạ Trấn S1 chia ma túy thành nhiều gói để bán lại, cụ thể:

Tháng 12/2025, S1 đã bán cho Đàm Văn P một gói ma túy (H) với giá 8.000.000 đồng. Ngày 03/01/2026, S1 tiếp tục bán cho P hai gói Heroine với giá 16.000.000 đồng nhưng P chưa thanh toán.

Khi khám xét nơi ở của S1, Cơ quan điều tra thu giữ Heroine có khối lượng là 10,6 gam (S1 khai số ma túy này để bán). Ngoài ra, S1 còn phải chịu trách nhiệm đối với 1,87 gam Heroine thu giữ tại nơi ở của Đàm Văn P và 0,16 gam Heroine thu giữ khi bắt quả tang Trần Quang C3.

Tổng khối lượng ma túy (Heroine) bị cáo S1 phải chịu trách nhiệm là 12,63 gam. Năm 2010, Tạ Trấn S1 đã bị kết án về tội đặc biệt nghiêm trọng do cố ý, chưa được xóa án tích mà tiếp tục thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý. Vì vậy, hành vi lần này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm.

Do đó, hành vi của Tạ Trấn S1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thuộc các trường hợp phạm tội 02 lần trở lên, ma túy (Heroine) có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam và tái phạm nguy hiểm, quy định tại các điểm b, i, q khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát truy tố bị cáo S1 theo tội danh và điều khoản viện dẫn nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.4] Đối với Đàm Văn Phong

Đàm Văn Phong mua Heroine của Tạ Trấn S1 với mục đích chia nhỏ bán kiếm lời.

Vào các ngày 17/12/2025, 10/01/2026 và 15/01/2026, tại tổ dân phố M, phường Y, tỉnh Lào Cai, P đã ba lần bán trái phép chất ma túy (Heroine) cho Võ Văn N, mỗi lần một gói với giá 500.000 đồng, tổng số tiền thu được là 1.500.000 đồng.

Ngày 17/01/2026, P bán cho Trần Quang C3 05 gói ma túy (H) với giá 2.500.000 đồng. Tổng số tiền P thu lời từ việc bán trái phép chất ma túy là 4.000.000 đồng. Ngoài ra, P còn tàng trữ **1,87 gam** Heroine mục đích để bán kiếm lời và phải chịu trách nhiệm hình sự về số ma túy Heroine bị thu giữ khi bắt quả tang của Trần Quang C3 là **0,16 gam** (Tổng khối lượng ma túy Heroine là **2,03 gam**).

Do đó, hành vi của Đàm Văn P đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Viện kiểm sát truy tố bị cáo P theo tội danh và Điều luật viện dẫn nêu trên là có căn cứ.

[2.5] Đối với Võ Văn N

Ngày 17/12/2025, tại nhà của Võ Văn N, N và Trần Quang C3 thống nhất mua Heroine về cùng sử dụng. C3 đưa cho N 500.000 đồng; N là người đi mua ma túy và chuẩn bị địa điểm, bật lửa, giấy bạc... để hai người sử dụng tại khu vực nhà vệ sinh của nhà N.

Ngày 10/01/2026, N tiếp tục cùng Nguyễn Tạ B1 thống nhất mua Heroine về sử dụng. B1 đưa cho N 500.000 đồng, N sử dụng số tiền này mua một gói ma túy (Heroine) của Đàm Văn P rồi cùng B1 sử dụng tại khu vực nhà vệ sinh của nhà N.

Do Võ Văn N thực hiện hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy hai lần nên hành vi thuộc trường hợp “phạm tội 02 lần trở lên”, quy định tại điểm a khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Viện kiểm sát truy tố Võ Văn N về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm a khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2025) là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.6] Đối với Nguyễn Tạ Bình

Ngày 10/01/2026, Nguyễn Tạ B1 cùng Võ Văn N thống nhất mua Heroine để sử dụng. B1 trực tiếp đưa cho N 500.000 đồng để N mua ma túy của Đàm Văn P. Sau khi N mua được H3, B1 cùng N sử dụng tại khu vực nhà vệ sinh của nhà N (tại địa chỉ tổ dân phố M, phường Y, tỉnh Lào Cai).

Hành vi do bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2025). Viện kiểm sát truy tố bị cáo B1 theo tội danh và Điều luật viện dẫn nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.7] Đối với Trần Quang C3:

Ngày 17/12/2025, Trần Quang C3 đưa cho Võ Văn N 500.000 đồng để N mua Heroine; sau đó C3 cùng N sử dụng ma túy tại nhà N, tại địa chỉ tổ dân phố M, phường Y, tỉnh Lào Cai. Hành vi do bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2025).

Ngày 12/01/2026, tại nhà Chung (địa chỉ: tổ dân phố Y, phường Y, tỉnh Lào Cai), bị cáo bán cho Nguyễn Anh T5 một gói ma túy (H) với giá 200.000 đồng. Hành vi do bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2025).

Ngày 17/01/2026, C3 mua của Đàm Văn P 05 gói Heroine với giá 2.500.000 đồng. C3 đã sử dụng 03 gói, còn 02 gói còn lại có tổng khối lượng 0,16 gam C3 tàng trữ trên người nhằm mục đích sử dụng cho bản thân thì bị phát hiện bắt quả tang. Hành vi do bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2025).

Do đó, Viện kiểm sát truy tố Trần Quang C3 về các tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; “Mua bán trái phép chất ma túy” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo tội danh và Điều luật viện dẫn nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.8] Đối với Nguyễn Anh Tuấn

Nguyễn Anh Tuấn là đối tượng quản lý sau cai nghiện ma túy theo Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 06/06/2025 của Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái (nay là phường Y, tỉnh Lào Cai), thời gian quản lý từ ngày 06/06/2025 đến ngày 06/06/2027. Ngày 12/01/2026, T5 mua của Trần Quang C3 01 gói ma túy (loại Heroine) giá 200.000 đồng, sau khi mua được ma túy, T5 mua xi lanh, nước cất, mang về nhà và sử dụng bằng hình thức tiêm chích vào cơ thể. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định trong thời gian quản lý sau cai nghiện, Nguyễn Anh T5 vẫn tiếp tục sử dụng trái phép chất ma túy.

Hành vi do bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Sử dụng trái phép chất ma túy”, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 256a Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2025). Viện kiểm sát truy tố bị cáo theo tội danh và Điều luật viện dẫn nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội

Hành vi do các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự và an toàn xã hội.

Ma túy, đặc biệt là H3, gây tổn hại nghiêm trọng đến sức khỏe, khả năng lao động, kinh tế và đời sống của người sử dụng; làm phát sinh nhiều hệ lụy cho gia đình và cộng đồng, đồng thời là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm và vi phạm pháp luật khác.

Các bị cáo đều là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ việc mua bán, tàng trữ, tổ chức sử dụng và sử dụng trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích thu lợi hoặc để thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy của bản thân vẫn cố ý thực hiện.

Trong nhóm bị cáo phạm tội mua bán trái phép chất ma túy, Vàng A C5 là người cung cấp ma túy cho Phan Văn C; C bán lại cho Tạ Trần S1; S1 bán cho Đàm Văn P; P chia nhỏ bán cho Võ Văn N, Trần Quang C3 và những người khác. Đây là chuỗi hành vi mua bán, hành vi của từng người có sự nối tiếp, là nguyên nhân tạo điều kiện cho hành vi của người sau. Vì vậy, cần đánh giá đầy đủ vai trò, số lần phạm tội, khối lượng ma túy và nhân thân của từng bị cáo để quyết định hình phạt tương xứng.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo

- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo. Vì vậy, cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “người phạm tội thành khẩn khai báo” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Đàm Văn P, tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã 73 tuổi, là người đủ 70 tuổi trở lên. Do đó, bị cáo P được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm o khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Phan Văn C có mẹ đẻ được thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba theo Quyết định số 719/KT-HĐNN tháng 8 năm 1985 của Hội. Bị cáo Trần Quang C3 có bố đẻ được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì theo Nghị quyết số 1044/KT/CT ngày 24/10/1996 của Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Bị cáo Tạ Trấn S1 có anh trai là liệt sỹ, bị cáo Nguyễn Anh T5 có bố đẻ là thương binh. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được hướng dẫn tại khoản 10 Điều 3 Nghị quyết 04/2025/NQ-HĐTP ngày 30/9/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Nên cho các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Ngoài ra, Nguyễn Anh T5 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về nhân thân: Các bị cáo Vàng A C5, Phan Văn C, Tạ Trấn S1, Đàm Văn P có nhân thân xấu. Các bị cáo Võ Văn N, Nguyễn Tạ B1, Trần Quang C3, Nguyễn Anh T5 trước đó chưa từng bị kết án.

[5] Về vai trò của các bị cáo

Đối với hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy ngày 17/12/2025, Võ Văn N và Trần Quang C3 là đồng phạm. C3 góp tiền mua ma túy; N trực tiếp đi mua, chuẩn bị địa điểm và dụng cụ để sử dụng. Cả hai cùng thống nhất ý chí và cùng thực hiện hành vi để sử dụng ma túy, nên giữ vai trò như nhau trong việc thực hiện tội phạm.

Đối với hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy ngày 10/01/2026, Võ Văn N và Nguyễn Tạ B1 là đồng phạm. B1 cung cấp tiền, N đi mua ma túy, chuẩn bị địa điểm, dụng cụ và cùng B1 sử dụng. Các bị cáo giữ vai trò như nhau trong việc thực hiện tội phạm.

Đây là trường hợp đồng phạm giản đơn, giữa các bị cáo không có sự phân công vai trò chặt chẽ, không nhằm mục đích thu lợi. Khi quyết định hình phạt, HĐXX áp dụng các Điều 17 và 58 Bộ luật Hình sự để cá thể hóa trách nhiệm hình sự của từng bị cáo.

Đối với các hành vi mua bán trái phép chất ma túy, từng bị cáo thực hiện hành vi mua và bán ma túy độc lập, vì mục đích vụ lợi riêng. Do đó, mỗi bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi, số lần và khối lượng ma túy đã mua bán.

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, vai trò của từng bị cáo, số lần phạm tội, khối lượng ma túy, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với tất cả các bị cáo, cách ly các bị cáo khỏi xã hội trong thời gian nhất định mới đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung

Các bị cáo Vàng A C5, Phan Văn C, Trần Quang C3, Đàm Văn P, Tạ Trấn S1 thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy nhằm mục đích vụ lợi, các bị cáo đều không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, mặt khác trong số này có hai bị cáo là người cao tuổi (S1 và P), nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Đối với Võ Văn N, Nguyễn Tạ B1 phạm tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nhằm thỏa mãn nhu cầu của bản thân, không có mục đích vụ lợi, xét thấy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Nguyễn Anh T5 phạm tội sử dụng trái phép chất ma túy, Điều luật không có quy định về hình phạt bổ sung.

[7] Về xử lý vật chứng và tài sản thu giữ

Đối với số ma túy (Heroine) còn lại sau giám định là 27,23 gam, thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành; các vỏ phong bì, túi nilon, giấy gói, giấy bạc đã cháy, bật lửa, dao lam, vỏ xi lanh, kéo...là những đồ vật không còn giá trị sử dụng nên bị tịch thu tiêu hủy;

Đối với các điện thoại di động mà các bị cáo sử dụng để liên lạc mua bán ma túy hoặc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, đây là phương tiện dùng vào việc phạm tội, nên bị tịch thu nộp ngân sách nhà nước;

Đối với số tiền 4.000.000 đồng (trong tổng số tiền 21.600.000 đồng thu giữ của Đàm Văn P), được xác định là tiền do phạm tội mà có - tiền thu lời bất chính từ việc mua bán ma túy, nên bị tịch thu nộp ngân sách nhà nước;

Đối với số tiền 950.000 đồng của Trần Quang C3; 7.550.000 đồng của Phan Văn C và phần tiền còn lại 17.600.000 đồng thu giữ của Đàm Văn P được xác định là tài sản hợp pháp, không liên quan đến hành vi phạm tội, nên trả lại cho chủ sở hữu;

Đối với số tiền các bị cáo được hưởng lợi do bán ma túy mà có, cần truy thu nộp ngân sách nhà nước;

Đối với xe mô tô DETECH biển kiểm soát 21BA-093.91 thuộc quyền sở hữu hợp pháp của anh Trần Bảo M1, anh M1 cho Trần Quang C3 mượn để sử dụng, M1 không biết C3 sử dụng xe liên quan đến hành vi phạm tội, nên Cơ quan điều tra trả lại xe cho chủ sở hữu là phù hợp;

Đối với số tiền 27.500.000 đồng thu giữ tại nơi ở của Tạ Trấn S1 được xác định là tài sản hợp pháp của bà Vũ Thị T2, không liên quan đến hành vi phạm tội, nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp;

Đối với số tiền 50.000.000 đồng thu giữ khi khám xét nơi ở của Đàm Văn P. Quá trình điều tra xác định là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà Hà Thị C2. Cơ quan điều tra đã trả lại số tiền 50.000.000 đồng cho bà Hà Thị C2 là phù hợp.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen, thu giữ của Cứ A. Quá trình điều tra không chứng minh được có liên quan đến hành vi phạm tội, do đó Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc điện thoại cho Cứ A S2 là phù hợp.

[8] Về các hành vi khác có liên quan

Đối với Cú A S2 là người mà Vàng A C5 khai đã mua ma túy Heroine của S2 vào ngày 02/01/2026 tại khu vực ven đường Quốc lộ 32 thuộc tỉnh Lai Châu với số tiền 10.000.000 đồng. Trong giai đoạn điều tra, Cơ quan điều tra đã áp dụng các biện pháp nghiệp vụ để đấu tranh đối với Cú A S2, nhưng S2 không thừa nhận đã nhận tiền và bán ma túy Heroine cho C5 vào ngày 02/01/2026. Xét thấy, ngoài lời khai duy nhất của Cha không có các tài liệu, chứng cứ khác chứng minh việc mua bán ma túy giữa Cú A S2 và Vàng A C5, nên không có đủ căn cứ để xử lý Cú A S2 về tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Đối với nội dung tại cơ quan điều tra, Đàm Văn P khai bán 03 gói ma túy Heroine cho Trần Quang C3 vào tháng 12/2025 với số tiền 1.500.000 đồng, nhưng C3 không thừa nhận mua ma túy lần này của P và P khai bán ma túy cho nhiều người khác nhau, nhưng không quen biết tên, tuổi, địa chỉ thu được số tiền 20.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo trình bày do tuổi cao nên không nhớ được chính xác, có khả năng nhầm lẫn. Xét thấy, ngoài lời khai duy nhất của P, thì không có các tài liệu, chứng cứ khác chứng minh việc mua bán ma túy giữa P và C3; giữa P và những người không quen biết tên, tuổi, địa chỉ. Do đó, không có đủ căn cứ để buộc bị cáo P phải chịu trách nhiệm hình sự đối với các lần bán ma túy này.

Đối với Nguyễn Thanh N3 là người mà Võ Văn N khai tại cơ quan điều tra đã đưa cho N số tiền 500.000 đồng để mua ma túy của Đàm Văn P ngày 15/01/2026 để cùng nhau sử dụng. Tại phiên tòa, N trình bày do tuổi cao, nên khai báo có sự nhầm lẫn. Mặt khác, Cơ quan điều tra đã áp dụng các biện pháp nghiệp vụ để đấu tranh đối với N3, nhưng N3 không thừa nhận việc đưa 500.000 đồng cho N đi mua ma túy, N3 chỉ thừa nhận được N cung cấp ma túy và dụng cụ sử dụng ma túy là giấy bạc, bật lửa, dao lam và một mình N3 tự sử dụng ma túy tại nhà vệ sinh của nhà N. Do đó không có đủ căn cứ để xử lý N3 về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho Trần Quang C3 vào ngày 12/01/2026. Quá trình điều tra, C3 khai không biết tên, tuổi, địa chỉ của người đàn ông này nên không có đủ căn cứ để điều tra làm rõ.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Trần Quang C3 và Phan Văn C. Xét thấy, hành vi đó không cấu thành tội phạm nên Cơ quan CSĐT Công an tỉnh L đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính: số 0005480/QĐ-XPHC ngày 07/6/2026 đối với Trần Quang C3 và số 0005479/QĐ-XPHC ngày 07/6/2026 đối với Phan Văn C bằng hình thức phạt tiền (1.500.000 đồng/1 người) là phù hợp. Hiện tại, bị cáo Chung và C chưa chấp hành việc nộp phạt.

[9] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc giải quyết nội dung vụ án là phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[10] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo Đàm Văn P, Tạ Trán S1, Võ Văn N được miễn tiền án phí do là người cao tuổi. Các bị cáo còn lại phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm; các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Vàng A C5, Phan Văn C, Tạ Trấn S1 và Đàm Văn P phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”;

Võ Văn N và Nguyễn Tạ B1 phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”;

Trần Quang C3 phạm các tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; “Mua bán trái phép chất ma túy” và “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”;

Nguyễn Anh T5 phạm tội “Sử dụng trái phép chất ma túy”;

2. Về hình phạt:

*** Hình phạt chính:**

- Áp dụng điểm b, i khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Xử phạt Vàng A C5 **11 (mười một) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 27/01/2026 (ngày tạm giam bị cáo).

- Áp dụng điểm i, q khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Xử phạt Phan Văn C **10 năm 06 tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 18/01/2026 (ngày tạm giữ bị cáo).

- Áp dụng điểm b, i, q khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Xử phạt Tạ Trấn S1 **11 (mười một) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 30/01/2026 (ngày tạm giam bị cáo).

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm o, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Xử phạt Đàm Văn P **08 (tám) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 18/01/2026 (ngày tạm giữ bị cáo).

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Xử phạt Võ Văn N **08 năm 06 tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 18/01/2026 (ngày tạm giữ bị cáo).

- Áp dụng khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Xử phạt Nguyễn Tạ B1 **03 năm 06 tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 18/01/2026 (ngày tạm giữ bị cáo).

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Xử phạt Trần Quang C3 **03 (ba) năm tù** về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”;

- Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Xử phạt Trần Quang C3 **03** năm **06** tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Xử phạt Trần Quang C3 **03** năm **06** tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”;

+ Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 BLHS tổng hợp hình phạt của nhiều tội, buộc Trần Quang C3 phải chấp hành hình phạt của cả ba tội nêu trên là **10 (M3)** năm **tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 17/01/2026 (ngày tạm giữ bị cáo);

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 256a; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Xử phạt Nguyễn Anh T5 **02** năm **06** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/02/2026 (ngày tạm giam bị cáo);

* Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

3. Về vật chứng của vụ án: Áp dụng các Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu huỷ: 27,23 gam ma túy (Heroine) thu giữ của các bị cáo còn lại sau khi đã trích mẫu giám định, được niêm phong trong một phong bì do Phòng K Công an tỉnh Y phát hành, mặt trước phong bì ghi “Vụ mua bán trái phép chất ma túy và tàng trữ trái phép chất ma túy xảy ra tại phường Y, tỉnh Lào Cai trong tháng 1 năm 2026 (sau khi trích mẫu giám định); 07 vỏ phong bì đã mở niêm phong; 04 túi đã mở niêm phong; 01 bật lửa ga màu đỏ; 01 bật lửa ga màu trắng; 03 mảnh giấy bạc phân ở giữa bị cháy, thủng, có màu đen; 01 dao lam có chữ CROMA; 02 nửa vỏ nilon xi lanh loại 10 ml/cc; Các mảnh giấy bạc, mảnh giấy, mảnh nilon, túi nilon; 01 kéo kim loại tay cầm màu đỏ; 07 phong bì niêm phong que xét nghiệm ma túy;

+ Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 thu giữ của Võ Văn N; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đỏ thu giữ của Nguyễn Tạ B1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG A6 màu đen thu giữ của Trần Quang C3; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG A07 màu đen và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 Promax màu xanh thu giữ của Đàm Văn P; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy A34 5G màu bạc thu giữ của Tạ Trán S1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 màu hồng thu giữ của Phan Văn C; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh thu giữ của Vàng A C5; 4.000.000 đồng của Đàm Văn P;

+ Trả lại cho bị cáo Trần Quang C3 số tiền là 950.000 đồng; Phan Văn C 7.550.000 đồng; Đàm Văn P 17.600.000 đồng.

+ Truy thu tiền hưởng lợi do phạm tội mà có, nộp ngân sách nhà nước, cụ thể: Vàng A C5: 18.000.000 đồng; Phan Văn C: 5.000.000 đồng; Tạ Trán S1: 8.000.000 đồng; Trần Quang C3: 200.000 đồng.

(Các vật chứng nêu trên có đặc điểm như mô tả tại biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an tỉnh L và Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 - Lào Cai ngày 18/6/2026).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

Các bị cáo Vàng A C5, Phan Văn C, Nguyễn Tạ B1, Trần Quang C3, Nguyễn Anh T5 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo Đàm Văn P, Tạ Trần S1, Võ Văn N được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 8, 36 và 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKS tỉnh Lào Cai;
- VKSND Khu vực 1 - Lào Cai;
- CQCSĐT CAT.Lào Cai;
- Công an phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai (01);
- Bị cáo (08 BC);
- Người liên quan (04)
- Trại TG số 02 CA tỉnh Lào Cai (08);
- THADS tỉnh Lào Cai (01);
- Hồ sơ NVCAT Lào Cai (01);
- THA phạt tù (16);
- Lưu HS, TA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Thị Thủy